

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 6 - 2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Ngọc Ba**

2. Ông **Trần Văn Hiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc *tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*Chị **Nguyễn Thị Bé N**, sinh năm 1998: có mặt

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*Anh **Phạm Hồng Th**, sinh năm 1994: vắng mặt

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé N trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phạm Minh Th có quan hệ vợ chồng, thành hôn tháng 3 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/11/2016. Thời gian chung sống vợ chồng đến tháng 8 năm 2018

thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, bị đơn xúc phạm gia đình bên vợ. Sự việc mâu thuẫn kéo dài dẫn đến ly thân từ ngày 10/02/2019 cho đến nay không còn khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phạm Nguyễn Hồng M, sinh ngày 18/9/2018 hiện do chị N đang nuôi. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ, tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 3 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Hồng Th trình bày: Đã được giao nhận bản sao tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu phản tố trong vụ án và thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý yêu cầu ly hôn với lý do không có mâu thuẫn, vợ chồng còn hạnh phúc. Về con chung: Đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/5/2019, ông Nguyễn Văn Hai là cha ruột của nguyên đơn Nguyễn Thị Bé N trình bày: Chị N và anh Th quen nhau khi chị N nghỉ học. Dù nhân thân anh Th không tốt, từng bị xử tù về tội Giao cấu với trẻ em, không có nghề nghiệp ổn định, nhưng do chị N cương quyết kết hôn nên gia đình cũng đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Thời gian chung sống vợ chồng từ năm 2016 đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Th không lo làm ăn, thường ăn nhậu, bỏ bê vợ, đã được gia đình khuyên giải nhưng không thay đổi. Đến tháng 10/2018, anh Th có lời lẽ, hành động xúc phạm bà nội vợ, bị công an lập biên bản. Hiện nay, vợ chồng N- Th đã ly thân. Thời gian Tòa án hoãn phiên họp để tự hòa giải theo yêu cầu thì cha, mẹ Th có qua nhưng Th không đến nên tự hòa giải đoàn tụ không thành. Nay, chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn vì mâu thuẫn đã quá trầm trọng. Về con chung, cháu Phạm Nguyễn Hồng M, sinh ngày 24/9/2018 chưa đủ 12 tháng tuổi đang do chị N nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2016 ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì chị Nguyễn Thị Bé N và anh Phạm Hồng Th là vợ chồng.

Theo Trích lục khai sinh số 665/TLKS-BS ngày 29/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã B, cháu Phạm Nguyễn Hồng M, sinh ngày 24/9/2018 là con chung của chị Lê Thị Bé N và anh Phạm Hồng Th.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện được ly hôn và nuôi con chung với lý do mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng; trong thời gian Tòa án tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ, anh Th không sửa đổi.

Bị đơn là anh Phạm Hồng Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Vị Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng và đầy đủ, đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 4 Điều 147; các điều 56, 59, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Xử cho chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với anh Phạm Hồng Th

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Hồng M, sinh ngày 24/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Bé N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Hồng Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ cho đến khi đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí, nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn, bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Phạm Hồng Th vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Phạm Hồng Th là vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác định của nguyên đơn và chứng cứ do Tòa án thu thập đều thể hiện giữa chị N và anh Thuận đã có mâu thuẫn kéo dài, được gia đình và Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Phạm Nguyễn Hồng M, sinh ngày 24/9/2018. Xét con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị Bé N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Phạm Hồng Th đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ là quá thấp, yêu cầu của chị N với mức 700.000đ là tương

xứng một nửa lương cơ bản tại thời điểm xét xử nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn và được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 227, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với anh Phạm Hồng Th.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Hồng M, sinh ngày 24/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Bé N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Hồng Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 700.000đ (*bảy trăm ngàn đồng*), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm, ngày 19/6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé N có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn. Trừ vào số tiền 300. 000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015184 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị N đã nộp xong

Buộc anh Phạm Hồng Th phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã B;
- (GCN kết hôn số 88/2016)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Triệu Hữu